

Số: 63 /2015/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế phối hợp theo dõi**  
**tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo Báo cáo thẩm định số 421/BC-STP ngày 17/12/2015 và đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 241/TTr-STP ngày 18/12/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Cục Công tác phía Nam, Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- VKSND tỉnh; TAND tỉnh;
- Cục THADS;
- Công TTĐT, TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, Ktr114/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quân**

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 63 /2015/QĐ-UBND  
ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Cà Mau (gọi chung là sở, ban, ngành tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (gọi chung là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

### **Điều 2. Mục đích phối hợp**

1. Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, kiến nghị điều chỉnh, xử lý các văn bản đảm bảo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế, có giải pháp nâng cao hiệu quả trong hoạt động chấp hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại địa phương.

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng sở, ngành, địa phương và những quy định pháp luật có liên quan, nhằm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, chủ động và trách nhiệm để công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được tiến hành thường xuyên, toàn diện, công khai.

2. Theo dõi thi hành pháp luật phải thực hiện thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, đồng thời đảm bảo đồng bộ với trọng tâm trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đã được xác định trong kế hoạch hàng năm thuộc phạm vi quản lý tại địa phương.

3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết, đồng thời huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhân dân và các tổ chức xã hội khác tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

## **Chương II** **NỘI DUNG PHỐI HỢP**

### **Điều 4. Xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Căn cứ nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, UBND tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh, Bộ, ngành chủ quản và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi, lĩnh vực, địa phương quản lý, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý. Các cơ quan, địa phương không liên quan đến lĩnh vực trọng tâm căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, địa phương có thể chủ động chọn thêm lĩnh vực chuyên ngành để theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cấp huyện và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi, lĩnh vực, địa phương quản lý, UBND cấp xã kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện trên cơ sở lĩnh vực trọng tâm của cấp huyện. Các cơ quan, địa phương không liên quan đến lĩnh vực trọng tâm căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, địa phương có thể chủ động chọn thêm lĩnh vực chuyên ngành để theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

4. Nội dung của kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện trên cơ sở lĩnh vực trọng tâm của tỉnh, các văn bản có liên quan và quy định tại khoản 3, Điều 6 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

5. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh phải gửi cho Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp; kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cấp huyện, cấp xã phải gửi cho cơ quan Tư pháp cấp trên trực tiếp để theo dõi, tổng hợp; kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện phải gửi cho cơ quan Tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

### **Điều 5. Xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật, dựa trên cơ sở xem xét những nội dung cơ bản sau:

a) Đối với các sở, ban, ngành tỉnh:

Khi có văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương mới ban hành giao cho HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành (Đối với văn bản của UBND cần rà soát nội dung văn bản của HĐND cùng cấp về việc giao UBND quy định chi tiết thi hành) hoặc không giao địa phương ban hành nhưng cần quy định để thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm lập danh mục văn bản (*theo Danh mục ban hành kèm theo Quy chế này*) trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Trên cơ sở danh mục văn bản được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh chỉ đạo tổ chức pháp chế hoặc công chức phụ trách pháp chế, các tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu thực hiện các công việc quy định tại điểm c và điểm d, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

b) Đối với UBND cấp huyện:

Khi có văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương giao HĐND, UBND quy định chi tiết phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, Trưởng các phòng, ban cấp huyện có trách nhiệm rà soát, lập danh mục (*theo Danh mục ban hành kèm theo Quy chế này*) trình Chủ tịch UBND cùng cấp phê duyệt theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Trên cơ sở danh mục văn bản giao địa phương ban hành, quy định chi tiết được Chủ tịch UBND cùng cấp phê duyệt, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp huyện tham mưu thực hiện các công việc quy định tại điểm c và điểm d, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

c) Đối với UBND cấp xã:

Công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát, lập danh mục văn bản giao địa phương ban hành, quy định chi tiết phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương (*theo Danh mục ban hành kèm theo Quy chế này*) trình Chủ tịch UBND cùng cấp phê duyệt theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Trên cơ sở danh mục văn bản giao địa phương ban hành, quy định chi tiết được Chủ tịch UBND cùng cấp phê duyệt, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã tham mưu thực hiện các công việc quy định tại điểm c và điểm d, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

d) Trên cơ sở kết quả thực hiện các nội dung được quy định tại điểm a, điểm b và điểm c, khoản 1 Điều này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, ban, ngành cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã tổng hợp kết quả báo cáo về cơ quan Tư pháp cùng cấp.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, ban, ngành cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã tham mưu, giúp UBND cùng cấp thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

đ) Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện khi ban hành văn bản triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền phải đồng thời gửi cơ quan Tư pháp cùng cấp để tổng hợp theo dõi.

e) Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các cơ quan tại điểm a, điểm b và điểm c Điều này, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch xây dựng báo cáo về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật trình UBND cùng cấp.

## 2. Xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản

Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết được xem xét, đánh giá theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 14/2014/TT-BTP. Cụ thể như sau:

a) Công chức chuyên trách cấp xã có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp nhận phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội đối với văn bản cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực được giao phụ trách, kịp thời phát hiện văn bản có nội dung không thống nhất, không đồng bộ, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản cấp trên và kiến nghị hình thức xử lý gửi công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

b) Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp huyện có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp nhận phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội đối với văn bản cấp huyện, cấp tỉnh, Trung ương thuộc lĩnh vực cơ quan mình quản lý, kịp thời phát hiện văn bản có nội dung không thống nhất, đồng bộ, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản cấp trên và kiến nghị hình thức xử lý gửi Phòng Tư pháp.

Phòng Tư pháp có trách nhiệm kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp nhận phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội đối với văn bản của HĐND, UBND tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách, kịp thời phát hiện văn bản có nội dung không thống nhất, không đồng bộ, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản cấp trên, gửi danh mục kiến nghị hình thức xử lý đến Sở Tư pháp.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh phân công tổ chức pháp chế, công chức pháp chế chuyên trách hoặc đơn vị làm đầu mối tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ này. Tổ chức pháp chế, công chức pháp chế chuyên trách hoặc đơn vị làm đầu mối có trách nhiệm kịp thời tổng hợp, tham mưu Thủ trưởng cơ quan gửi danh mục và kiến nghị hình thức xử lý đến Sở Tư pháp.

d) Sở Tư pháp có trách nhiệm kịp thời tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý văn bản theo quy định.

### 3. Xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản:

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phát hiện, xem xét, đánh giá văn bản cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, Trung ương có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP. Kiến nghị hình thức xử lý gửi đến cá nhân, cơ quan có thẩm quyền theo trình tự và thời gian quy định.

### **Điều 6. Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật**

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân căn cứ Điều 9 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP tổng hợp nhu cầu về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức, nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, để đề xuất kiến nghị việc bảo đảm điều kiện cho thi hành pháp luật, gửi cơ quan phụ trách công tác tổ chức căn bộ, tài chính cùng cấp để tổng hợp, xử lý theo quy định.

2. Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị, tham mưu UBND cấp huyện xử lý và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi.

3. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp từ cấp xã đến cấp tỉnh để tham mưu UBND tỉnh xử lý, chỉ đạo hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.

### **Điều 7. Xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật**

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các bước theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

### **Điều 8. Tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật**

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát về tình hình thi hành pháp luật; Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thi hành án dân sự cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động truy tố, xét xử, thi hành án; Hội Luật gia, Đoàn Luật sư cung cấp ý kiến của các luật gia, luật sư về các vấn đề liên quan đến tình hình thi hành pháp luật; các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính khả thi của văn bản pháp luật; các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật; tổ chức, công dân có quyền gửi ý kiến, kiến nghị về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Các ý kiến, kiến nghị gửi bằng văn bản hoặc tại các đợt kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã là đầu mối tiếp nhận thông tin để phân tích, tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp xử lý, kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật**

Công tác kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 8, Điều 9, Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

### **Điều 10. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

### **Điều 11. Chế độ báo cáo về theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

#### **1. Báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:**

a) Công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện thuộc lĩnh vực mình quản lý theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Quy chế này báo cáo định kỳ theo quý và năm gửi về công chức Tư pháp - Hộ tịch chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày chốt số liệu để tổng hợp, báo cáo UBND cùng cấp hoặc báo cáo đột xuất theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

b) Trưởng các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Quy chế này báo cáo định kỳ theo quý và năm gửi về Phòng Tư pháp chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày chốt số liệu để tổng hợp, báo cáo UBND cùng cấp hoặc báo cáo đột xuất theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Quy chế này, báo cáo định kỳ theo quý và năm gửi về Sở Tư pháp chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày chốt số liệu để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp hoặc báo cáo đột xuất theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

d) Nội dung báo cáo của các cơ quan, đơn vị cần nêu rõ tiến độ xây dựng đối với từng văn bản, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

#### **đ) Thời điểm lấy số liệu và thời điểm báo cáo:**

Báo cáo quý được lấy số liệu từ ngày đầu tiên của tháng đầu quý cho đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý và báo cáo năm lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

Báo cáo của Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã gửi về UBND cấp huyện, cấp trên trực tiếp chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày chốt số liệu; báo cáo của Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện gửi về Sở Tư pháp chậm nhất là 08 ngày kể từ ngày chốt số liệu; báo cáo của Sở Tư pháp gửi về UBND tỉnh và Bộ Tư pháp chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày chốt số liệu.

Báo cáo đột xuất thực hiện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm:

a) UBND cấp xã xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương gửi về Phòng Tư pháp trước ngày 03 tháng 10 để tổng hợp kết quả chung.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Tư pháp trước ngày 08 tháng 10 để tổng hợp kết quả chung.

c) Sở Tư pháp tham mưu, giúp UBND tỉnh tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xây dựng báo cáo chung toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 10.

d) Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật thuộc Sở Tư pháp; tổ chức pháp chế, công chức pháp chế chuyên trách thuộc các sở, ban, ngành tỉnh tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị theo quy định.

Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tham mưu giúp UBND cùng cấp xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương theo quy định.

3. Nội dung, hình thức và báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3; Điều 4 và khoản 2, Điều 5 Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

### **Chương III** **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN,** **ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Hàng năm, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tham mưu, giúp UBND tỉnh trong việc tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp; công nhận danh sách Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật cấp tỉnh.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, giúp UBND tỉnh bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

6. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Sở Tư pháp tham mưu, giúp UBND tỉnh huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện tổng hợp tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác theo dõi thi hành pháp luật, gửi Bộ Tư pháp và UBND tỉnh.

8. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

### **Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh**

1. Phối hợp với Sở Tư pháp, giúp UBND tỉnh thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Quy chế này.

2. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

3. Ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của ngành, lĩnh vực quản lý.

Tổ chức pháp chế hoặc công chức pháp chế chuyên trách ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh hoặc tổ chức, cá nhân tại các phòng chuyên môn thuộc các ban, ngành khác tham mưu, giúp người đứng đầu cơ quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của ngành.

4. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng thời gian quy định.

### **Điều 14. Trách nhiệm của UBND cấp huyện**

1. Ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo kế hoạch của UBND tỉnh và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trong phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

3. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật theo đúng thời gian quy định.

4. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

5. Có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của UBND tỉnh.

6. Chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

c) Tổ chức điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

d) Tổng hợp tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn cấp huyện, xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất trình UBND cấp huyện để báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) về công tác theo dõi thi hành pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, các cơ quan khác có liên quan và UBND cấp xã, tham mưu, giúp UBND cấp huyện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý.

e) Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Phòng Tư pháp tham mưu UBND cấp huyện huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tư pháp, giúp UBND cấp huyện thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực.

### **Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp xã**

1. Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cấp huyện, ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo kế hoạch của UBND cấp huyện và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

2. Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trong phạm vi quản lý của UBND cấp xã.

3. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật theo đúng thời gian quy định.

4. Có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của UBND cấp huyện.

5. Chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với công chức chuyên môn khác thuộc UBND cấp xã tham mưu, giúp UBND cấp xã:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương.

b) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý của địa phương.

c) Tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

d) Tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực trên địa bàn cấp xã.

đ) Tổng hợp tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã, xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất trình UBND cấp xã để báo cáo UBND cấp huyện (qua Phòng Tư pháp) về công tác theo dõi thi hành pháp luật.

e) Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tham mưu, giúp UBND cấp xã huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

6. Các công chức chuyên môn khác thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu, giúp UBND cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

#### **Điều 16. Tham gia phối hợp của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể**

1. Căn cứ yêu cầu cụ thể của hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với UBND cùng cấp thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu, giúp UBND cùng cấp phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể cùng cấp chia sẻ, cung cấp thông tin, theo dõi, giám sát hoạt động thi hành pháp luật, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan, UBND cấp huyện triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức thực hiện Quy chế này tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, các tổ chức khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 18. Điều khoản thi hành**

1. Những nội dung khác không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Thông tư số 14/2014/TT-BTP và các quy định hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quân**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)

**DANH MỤC**

Văn bản giao địa phương ban hành, quy định chi tiết phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2015/QĐ-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

| STT                                      | Văn bản giao quyền (2) | Ngày có hiệu lực (3) | Tên văn bản phải quy định tại địa phương (4) | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian ban hành (5) |
|--|------------------------|----------------------|--|-----------------|------------------|------------------------|
| <b>I- Thẩm quyền ban hành của HĐND:</b>  |                        |                      |  |                 |                  |                        |
| 01                                       |                        |                      |  |                 |                  |                        |
| .....                                    |                        |                      |  |                 |                  |                        |
| <b>II- Thẩm quyền ban hành của UBND:</b> |                        |                      |  |                 |                  |                        |
| 01                                       |                        |                      |  |                 |                  |                        |
| .....                                    |                        |                      |  |                 |                  |                        |
|  |                        |                      |  |                 |                  |                        |

**Chú thích:**

- (01) Tên cơ quan tham mưu, đề xuất.
- (02) Văn bản của Trung ương hoặc của Hội đồng nhân dân cùng cấp.
- (03) Ngày có hiệu lực theo quy định tại văn bản của Trung ương hoặc của Hội đồng nhân dân cùng cấp.
- (04) Nghị quyết hoặc Quyết định, Quy định về vấn đề gì.
- (05) Thời gian ban hành văn bản (Ví dụ: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thì ban hành trong kỳ họp...; Quyết định của Ủy ban nhân dân thì ban hành trong quý mấy...).